

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **872/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-9-2020

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Ông Nguyễn Anh Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, Thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 478/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 582/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 1996; (Có đơn xin vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: số 153/46B, đường T, Phường 8, quận T, Thành phố H.
Chỗ ở: số 516/3, đường B, phường T, quận K, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1987; (Vắng mặt)
Thường trú: Quốc lộ 80, xã T, huyện T, tỉnh K.
Chỗ ở: số 516/3, đường B, phường T, quận K, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2020, trong bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Quỳnh N thể hiện:

Bà N và ông Nguyễn Quốc D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 09/01/2017 do Ủy ban nhân dân Phường 8, quận T, Thành phố H cấp.

Sau khi kết hôn hai bên chung sống tại địa chỉ số 516/3, đường B, phường T, quận K, Thành phố H.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hai bên rất hạnh phúc. Sau đó hai bên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do lối sống không phù hợp, thường bất đồng ý kiến về việc chăm sóc con cái, chi tiêu tiền bạc và nhiều vấn đề khác. Ông D thường xuyên đi sớm về khuya, không có thời gian dành cho gia đình, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hai bên đã cố gắng trao đổi để cuộc sống chung được hòa thuận nhưng không có kết quả nên hai bên sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Thời gian ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống nên bà N nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Duy Tiến P, sinh ngày 18/6/2017. Hiện nay con chung đang sống ổn định cùng bà N, do đó sau khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác nhận không có.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc D được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 13/7/2020 và 14/8/2020 nhưng ông D không đến Tòa án để làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Quỳnh N có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn bà thể hiện vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Quốc D. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà N xác nhận không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Quốc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa vào các ngày 04/9/2020 và 23/9/2020 nhưng ông D vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là đã tự nguyện từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Quỳnh N và ông Nguyễn Quốc D là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông D

không còn hạnh phúc, mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà N yêu cầu ly hôn, ông D vắng mặt tại các buổi hòa giải thể hiện ông D không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung do hiện nay con chung đang sống với bà. Về tài sản chung và nợ chung bà N xác nhận không có. Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, các yêu cầu của bà N là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ Đơn khởi của bà Nguyễn Quỳnh N, Hội đồng xét xử xác định vụ án trên là tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn ông Nguyễn Quốc D hiện đang cư trú tại quận K nên Tòa án nhân dân quận K thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 177, Điều 179, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận K tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Quỳnh N và ông Nguyễn Quốc D.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Quỳnh N xin được ly hôn với ông Nguyễn Quốc D do mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn.

Căn cứ lời trình bày của bà N có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên phát sinh do lối sống không phù hợp, thường xuyên gây gổ cãi vã nhau, bất đồng quan điểm về việc chăm sóc con cái, chi tiêu tiền bạc và nhiều vấn đề khác. Ông D thường xuyên đi sớm về khuya, không có thời gian dành cho gia đình, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hai bên đã cố gắng trao đổi để cuộc sống chung được hòa thuận nhưng không có kết quả nên hai bên sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Nay bà N kiên quyết xin được ly hôn với ông D. Ông D không đến Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, thể hiện thái độ bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Công văn trả lời kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Quý thể hiện “...Hiện nay, bà N và ông D không chung sống tại địa chỉ 516/3 Bình Long, phường Tân Quý...”. Xét thấy mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông D là có thật, vợ chồng đã sống ly thân, không đảm bảo tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân giữa bà N và ông D là trầm trọng, cuộc sống

hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Quỳnh N xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Duy Tiến P, sinh ngày 18/6/2017 và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Bà N xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Duy Tiến P, sinh ngày 18/6/2017. Do hiện nay trẻ do bà N đang trực tiếp chăm sóc nên bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Ông D không đến Tòa án nên không thể ghi nhận ý kiến của ông D về con chung. Kết quả xác minh của Hội Liên hiệp phụ nữ phường T thể hiện con chung của ông D và bà N hiện đang sống chung với bà N. Xét thấy, để ổn định cuộc sống và tâm lý của trẻ, yêu cầu của bà N về việc giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà Nguyễn Quỳnh N phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 273 và Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Quỳnh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Quỳnh N được ly hôn với ông Nguyễn Quốc D.

Quan hệ hôn nhân của bà N và ông D chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 09/01/2017 do Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố H cấp cho ông D và bà N không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Duy Tiến P, sinh ngày 18/6/2017. Giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông D do bà N không có yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Trong trường hợp bà N không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông D hoặc bà N hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp ông D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Quỳnh N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020842 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Quỳnh N và ông Nguyễn Quốc D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Ủy ban nhân dân Phường 8, quận T, Thành phố H.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thùy Trang